

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các tiêu chí nêu trong bảng dưới đây:

| Nội dung đánh giá | | Kết quả đánh giá |
|--|---|------------------|
| 1. Đáp ứng yêu cầu về Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa. | Thực hiện đầy đủ yêu cầu kỹ thuật Mục 1.2 và 1.3 Chương V. Thực hiện đúng bảng biểu nêu ở Mục 1.2 và 1.3 Chương V (Nếu thực hiện không đúng bảng biểu sẽ không được xét). | Đạt |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa. | Nhà thầu có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, kiểm tra nghiệm thu hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Đạt |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| 3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. | Nhà thầu có cam kết: thay thế 1 đổi 1 hàng hoá bị hư hỏng, lỗi do lỗi vận chuyển của nhà thầu hoặc lỗi từ nhà sản xuất. Cam kết đủ khả năng bảo hành kịp thời hàng hóa trong vòng 24 giờ khi nhận được thông báo lỗi từ chủ đầu tư qua email hoặc điện thoại. Thời hạn bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng. | Đạt |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| 4. Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường | Hàng hóa cung cấp phải hoàn toàn thích ứng về địa lý, phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam. (Cam kết). | Đạt |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| 5. Yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng. | Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp. | |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | |
| 6. Tiến độ cung cấp hàng hóa. | Có cam kết và bảng tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảng tiến độ thể hiện rõ các mốc thời gian theo giai đoạn của quá trình cung cấp | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Kết quả đánh giá |
|---|--|-------------------------|
| | hàng hoá. Thời gian cung cấp phải phù hợp với mức tối thiểu và tối đa. | |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| 7. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu cam kết Nếu có kiến nghị nào đăng tải trên mạng về thông tin của nhà thầu mà vi phạm một trong các điều khoản theo Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, hoặc Chủ đầu tư tìm được bằng chứng nhà thầu vi phạm theo Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì sẽ bị đánh giá là không đạt, và sẽ không kiến nghị. | Đạt |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| | Hoặc nhà thầu có cam kết, mà Chủ đầu tư kiểm tra, thu thập thông tin là nhà thầu vi phạm, thì sẽ vẫn đánh giá là không đạt | |
| | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên | Không đạt |
| Kết luận | 7 tiêu chuẩn được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn bị xác định không đạt. | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.